TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:87/2019/HNGĐ -ST
Ngày 10 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp HN&GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Đức Quỳnh - Bà Nguyễn Lệ Lan

- Thư ký phiên tòa: ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:318/2019/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị T - sinh năm 1979 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: xóm 3 - xã B - huyện Y- tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Duy S - sinh năm 1980 (Vắng mặt lần thứ 2)

Trú tại: xóm 3 - xã B - huyện Y - tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 06/7/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Duy S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào 03 tháng 12 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ an. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vả khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và nặng nề. Hai bên đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Chị xác định hai bên không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lê C (giới tính nữ) - sinh ngày 21/7/2008 và Nguyễn Duy N (giới tính nam) - sinh ngày 11/8/2013. Hiện nay con chung đang ở với đang ở với anh S và ông bà nội, chị không muốn xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các con chị đề nghị tòa án giữ nguyên hiện trạng chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh S mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành..

- Về tài sản: chị Trần Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Duy S quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S vẫn không có mặt. Tòa án đã trực tiếp tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S theo đúng quy định của pháp luật đồng thời lập biên bản tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bố đẻ của anh S là ông Nguyễn Duy Q, ông Q đã cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho anh S nhưng anh S vẫn không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và cũng không lấy lời khai của anh S được.Tuy nhiên qua tài liệu do nguyên đơn cung cấp và qua biên bản xác minh tại xóm, xã thì tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên giữa Chị T và anh S đúng như Chị T trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của Chị T có tại Hồ sơ vụ án được chủ tọa công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Chị T, anh S; yêu cầu anh, chị có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án, Chị T đã làm đơn xin xử xắng mặt còn nhưng anh S không có mặt mà không báo rõ lý do vắng mặt cho Tòa án được biết. Vì vậy Toà án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản của Tòa. Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 30/8/3019 Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh S vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và ấn định ngày xét xử lại. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Toà án tiếp tục tống đạt các văn bản tố tụng phiên toà lần thứ hai cho các bên đương sự tuy nhiên tại phiên toà hôm nay anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và căn cứ khoản 1 điều 228 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn khi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa Chị T, anh S là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng những năm gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Trên cở sở đó xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn kết với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án Chị T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng về con chung bởi lẽ các con chung hiện nay đang ở ổn định chị không muốn thay đổi và chị có nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh S mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành mặc dù chị biết điều kiện hiện nay của anh S và gia đình bên nội có kinh tế khá giả không để các con thiếu thốn, anh S cũng như gia đình không yêu cầu chị phải cấp dưỡng để tùy chị lựa chọn nhưng chị muốn góp một phần nhỏ của mình đối với các con thể hiện tình cảm của chị đối với các con. Chị đề nghị Tòa xem xét chấp nhận nguyện vọng của chị.

Tại biên bản xác minh con chung chưa thành niên Tòa án đã cùng cán bộ xã đến trực tiếp gia đình anh S thấy các con chung hiện đang ở cùng với anh S và bố mẹ anh S, anh S đi làm gần nhà nên vẫn có thời gian điều kiện để gần gũi và chăm sóc con, bên cạnh anh còn có người thân hỗ trợ, từ đó cho thấy lời trình bày cũng như nguyện vọng của Chị T là có căn cứ đúng tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Lê C do đó cần chấp nhận nguyện vọng của Chị T giao hai con chung là Nguyễn Thị Lê C (giới tính nữ) - sinh ngày 21/7/2008 và Nguyễn Duy N (giới tính nam) - sinh ngày 11/8/2013 cho anh S nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của Chị T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh S.

- Quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51;56; 81; 82; 83 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

- ***Về hôn nhân:*** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy S.

- ***Về con chung***: Tiếp tục giao 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Lê C (giới tính nữ) - sinh ngày 21/7/2008 và Nguyễn Duy N (giới tính nam) - sinh ngày 11/8/2013 cho anh Nguyễn Duy S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Buộc Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với anh S mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 9 năm 2019.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng tiền nuôi con nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Án phí:*** Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn sơ thẩm của Chị T được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số:0007470, ngày 17/7/2019). Chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí của người phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Duy S. Tuyên bố để các bên đương sự biết, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Nhung

Nơi nhận:
- Các bên Đương sự.
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã B
- Lưu HS